

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2024
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Tiềm.

Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quốc V – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 2000; (có mặt)

HKTT: Ấp T, xã T, TP., tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số B Đ, Ấp E, xã T, TP., tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lương Dủ L, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 26/9/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị N chung sống với nhau năm 2017, đến khi tôi và anh L có con thì mới đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan

điềm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, chồng tôi thường xuyên đánh đập tôi dã man.

Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung gia đình rất áp lực, thời gian qua dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm rất nhiều nhưng cuộc sống của vợ chồng tôi không có hạnh phúc, mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng gay gắt. Tôi và anh **L** đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được tình cảm vợ chồng tôi không còn khả năng hàn gắn được nữa. Tôi yêu cầu Tòa án cho tôi ly hôn với anh **Lương Dủ L**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Lương Sỹ Đ** sinh ngày 16/01/2017. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao cháu **Đ** cho anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng, cho đến con trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2023, biên bản hòa giải, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bị đơn anh **Lương Dủ L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Việc tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn đúng như chị **N** đã trình bày. Tôi và chị **N** hoàn toàn không có ly thân vào năm 2021 mà vẫn sống chung tại nhà trọ đến cuối năm 2022. Do tôi không có việc làm nên sau đó tôi trở về quê đi làm và để vợ tôi ở lại nhà vợ, do vợ tôi không muốn về nhà tôi nên tôi vẫn thường xuyên đến thăm nom, quan tâm, chăm sóc chị **N**. Đến cuối năm 2022 thì tôi và chị **N** có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn. Tôi và chị **N** hoàn toàn không có ly thân mà vẫn chung sống vợ chồng. Đối với yêu cầu ly hôn của chị **N** thì tôi không đồng ý ly hôn do còn thương yêu vợ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Lương Sỹ Đ** sinh ngày 16/01/2017. Con chung hiện đang sống với tôi, do tôi trực tiếp chăm sóc. Do không đồng ý ly hôn nên tôi không có yêu cầu gì về con chung, cháu cũng không muốn cha mẹ ly hôn. Tôi muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình để cùng chăm lo, nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên Tòa sơ thẩm*

- Chị **N** tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến, tài liệu chứng cứ gì khác.

- Anh Linh vắng mặt và cũng không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy chị **Nguyễn Thị Yến N** và anh **Lương Dủ L**, có đăng ký kết hôn ngày 19/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, thành phố **C**, tỉnh **Đồng Tháp**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Theo chị **N** cho rằng

nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, anh **L** có hành vi bạo lực gia đình với chị **N**.

Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **N** về việc cho chị **N** được ly hôn với anh **Lương Dủ L**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Lương Sỹ Đ** sinh ngày 16/01/2017. Nhận thấy anh **L** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Đ**, chị **N** cũng đồng ý giao con chung cho anh **L** chăm sóc, nuôi dưỡng con là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của chị **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi cháu **Đ** trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **Nguyễn Thị Yên N** khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với anh **Lương Dủ L**, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy anh **Lương Dủ L** có địa chỉ: **Áp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang**, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 02 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị **N** và anh **L** chung sống với nhau từ năm 2017, nhưng đến khi có con thì mới đăng ký kết hôn vào ngày 19/3/2019 tại **Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không cùng chung quan điểm sống, vợ chồng không biết quan tâm chia sẻ trong cuộc sống, làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện tại mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa. Chị **N** yêu cầu Tòa án cho chị ly hôn với anh **Lương Dủ L**.

Qua lời trình bày của chị **N** cho thấy: Cuộc sống vợ chồng của chị **N** và anh **L** đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. **Anh L1** không có thiện chí hay phương an hàn gắn với chị **N**, anh **L1** đã vi phạm quyền và nghĩa vụ

về nhân thân hai vợ chồng ly thân không chung sống với nhau, không có tình nghĩa vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống chung, cùng chăm lo nuôi dạy chăm sóc con chung, xét thấy nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không hạnh phúc, do không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị **N** xin ly hôn với anh **L1** là có căn cứ, cần ghi nhận cho chị **N** được ly hôn với anh **L1**.

[5] Về con chung: Chị **N** và anh **L1** có 01 con chung tên **Lương Sỹ Đ** sinh ngày 16/01/2017. Khi ly hôn, chị **N** đồng ý giao con chung cho anh **L1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động. Xét thấy, hiện tại cháu **Đ** còn nhỏ trong độ tuổi ăn học, cần có sự nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc và gần gũi với các cháu, hiện tại cháu **Đ** đang sống với anh **L1**, để đảm bảo đời sống, sinh hoạt không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tinh thần sự phát triển của cháu. Xét thấy yêu cầu của chị **N** về việc giao con chung cho anh **L1** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu **Đ** trưởng thành, có khả năng lao động là ý chí tự nguyện của chị **N**, việc cấp dưỡng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu về cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **N**.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị **N** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Yến N**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh Lương Dủ L.

- Về quan hệ con chung:

+ Giao cho anh L2 Dủ Linh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên: Lương Sỹ Đ sinh ngày 16/01/2017, hiện cháu Đ đang sống với anh L.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Yến N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000 đồng, cho đến khi con chung trưởng thành, có khả năng lao động. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Chị Nguyễn Thị Yến N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004505 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị N phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Anh Lương Dủ L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Lương Dủ L được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Tân Thuận Tây;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Hiệp